

Số: **04** /HĐXTTH

Tuyên Hoá, ngày **18** tháng 8 năm 2019

### **NỘI QUY PHÒNG VẤN**

#### **Xét tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo bậc Tiểu học huyện Tuyên Hoá năm 2019**

##### **Điều 1. Quy định đối với thí sinh**

1. Phải có mặt trước phòng thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, thể hiện văn minh, lịch sự.

2. Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác để thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch đối chiếu trước khi vào phòng phỏng vấn.

3. Ngồi đúng chỗ theo hướng dẫn của thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch, để Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân lên mặt bàn để các thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch kiểm tra.

4. Chỉ được mang vào phòng phỏng vấn bút viết, thước kẻ; không được mang vào phòng phỏng vấn điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung ôn tập phỏng vấn.

5. Thời gian chuẩn bị và trả lời câu hỏi phỏng vấn của mỗi thí sinh không quá 30 phút.

6. Chỉ sử dụng giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn được phát để ghi nội dung chuẩn bị trả lời phỏng vấn. Phải ghi đầy đủ các mục trong giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn. Giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn phải có đủ chữ ký của các thành viên Ban kiểm tra, sát hạch. Giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn không đủ chữ ký của các thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch được xem là không hợp lệ.

8. Nội dung ghi trên giấy nháp phỏng vấn phải được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen. Không được sử dụng các loại mực màu khác, mực nhũ, mực phản quang, bút chì để ghi trên phiếu phỏng vấn.

9. Tuân thủ mọi hướng dẫn của thành viên Ban kiểm tra, sát hạch; giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích trong phòng phỏng vấn.

10. Không được trao đổi với người khác trong thời gian phỏng vấn, không được trao đổi giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn, không được quay cốp tài

liệu hoặc có bất kỳ một hành động gian lận nào khác. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề phỏng vấn ra ngoài phòng phỏng vấn hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng phỏng vấn.

11. Nếu cần hỏi điều gì, phải hỏi công khai thành viên Ban kiểm tra, sát hạch.

12. Trong thời gian chuẩn bị và trả lời phỏng vấn, thí sinh không được ra ngoài phòng phỏng vấn. Nếu thí sinh có đau, ốm bất thường thì phải báo cáo thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch và thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch phải báo ngay cho Trưởng Ban Kiểm tra, sát hạch để xem xét, giải quyết.

13. Sau khi hoàn thành trả lời phỏng vấn, thí sinh nộp lại đề và giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn cho thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch, ký tên vào danh sách và ra khỏi khu vực phỏng vấn, không được mang bất cứ vật dụng gì của Hội đồng xét tuyển, Ban Kiểm tra, sát hạch ra khỏi phòng phỏng vấn.

## **Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh**

1. Thí sinh vi phạm nội quy phỏng vấn xét tuyển đều phải lập biên bản xử lý vi phạm và tùy theo mức độ vi phạm, thí sinh sẽ bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau:

a) Khiển trách: Hình thức kỷ luật khiển trách do thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch lập biên bản, công bố công khai tại phòng phỏng vấn và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

- Có ý ngồi không đúng chỗ theo hướng dẫn của Ban Kiểm tra, sát hạch
- Trao đổi với người khác đã bị nhắc nhở nhưng vẫn không chấp hành;
- Mang tài liệu vào phòng phỏng vấn nhưng chưa sử dụng.

b) Cảnh cáo: Hình thức kỷ luật cảnh cáo do thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch lập biên bản, công bố công khai tại phòng phỏng vấn và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

- Sử dụng tài liệu trong phòng phỏng vấn
- Trao đổi giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn với người khác
- Cho người khác chép nội dung chuẩn bị phỏng vấn hoặc chép nội dung chuẩn bị phỏng vấn của người khác.

- Sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng thông tin khác trong phòng phỏng vấn.

c) Đình chỉ phỏng vấn: Hình thức kỷ luật đình chỉ phỏng vấn do Trưởng ban Kiểm tra, sát hạch quyết định, công bố công khai tại phòng phỏng vấn và áp dụng đối với thí sinh vi phạm đã bị lập biên bản cảnh cáo nhưng vẫn cố tình vi phạm nội quy phỏng vấn.

d) Hủy kết quả phỏng vấn: Căn cứ vào báo cáo của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển, Chủ tịch UBND huyện quyết định hủy bỏ kết quả phỏng vấn đối với thí sinh nhờ người khác thi hộ hoặc bị đình chỉ phỏng vấn.

đ) Thí sinh cố ý gây mất an toàn trong phòng phỏng vấn, ngoài việc bị đình chỉ và hủy kết quả phỏng vấn, tùy theo tính chất, mức độ còn bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

2. Các trường hợp Thí sinh vi phạm nội quy phỏng vấn bị lập biên bản thì thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch và thí sinh phải cùng ký vào biên bản. Sau khi lập biên bản và công bố công khai tại phòng phỏng vấn, thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch phải báo cáo ngay với Trưởng ban Kiểm tra, sát hạch. Trường hợp thí sinh vi phạm không ký biên bản vi phạm thì thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch mời 02 thí sinh bên cạnh cùng ký xác nhận.

3. Thí sinh có quyền tố giác những người vi phạm nội quy phỏng vấn cho thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch, Trưởng ban kiểm tra, sát hạch, Hội đồng xét tuyển, Ban giám sát kỳ xét tuyển.

4. Trừ điểm phỏng vấn:

a) Thí sinh vi phạm hình thức khiển trách sẽ bị trừ 25% kết quả điểm phỏng vấn.

b) Thí sinh vi phạm hình thức cảnh cáo sẽ bị trừ 50% kết quả điểm phỏng vấn.

### **Điều 3. Quy định đối với thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch**

1. Phải có mặt tại địa điểm phỏng vấn đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự; đeo thẻ của Ban Kiểm tra, sát hạch.

2. Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo nội quy kỳ xét tuyển. Cụ thể:

- Căn cứ danh sách thí sinh đã niêm yết tại phòng phỏng vấn, thực hiện phỏng vấn theo quy định.

- Tổ chức lập biên bản các túi đựng các phong bì đề phỏng vấn còn nguyên niêm phong.

- Bóc túi đựng các phong bì đề phỏng vấn và mời thí sinh chứng giám.

- Thực hiện đúng quy định về thời gian phỏng vấn các thí sinh để đảm bảo đánh giá đúng nội dung trả lời của thí sinh và cho điểm chính xác.

- Khi chấm điểm phỏng vấn, các thành viên chấm độc lập trên phiếu chấm điểm đối với từng thí sinh. Điểm phỏng vấn là điểm trung bình cộng của các thành viên tham gia chấm phỏng vấn. Trường hợp các thành viên chấm phỏng vấn chấm điểm chênh lệch nhau từ 5 điểm trở lên đến dưới 10 điểm thì Trưởng ban kiểm tra sát hạch trao đổi lại với các thành viên tham gia chấm phỏng vấn sau đó quyết định điểm phỏng vấn. Trường hợp các thành viên chấm

phòng vấn chấm điểm chênh lệch nhau từ 10 điểm trở lên thì Trưởng ban kiểm tra sát hạch báo cáo để Chủ tịch Hội đồng xét tuyển tổ chức đối thoại giữa các thành viên tham gia chấm phỏng vấn, sau đó quyết định điểm phỏng vấn.

- Kết quả chấm phỏng vấn phải được tổng hợp vào bảng kết quả có chữ ký của các thành viên chấm phỏng vấn và bàn giao cho Trưởng Ban kiểm tra, sát hạch. Trưởng Ban Kiểm tra, sát hạch bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng xét tuyển, mời đại diện Công an, Ban Giám sát chứng kiến.

- Cuối buổi phỏng vấn, Ban Kiểm tra, sát hạch niêm phong đề, đáp án vào một phong bì để lưu trữ; lập biên bản bàn giao phiếu chấm phỏng vấn; Biểu tổng hợp điểm và các giấy tờ có liên quan cho Trưởng Ban Kiểm tra, sát hạch để bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng xét tuyển, mời đại diện Công an, Ban Giám sát chứng kiến.

3. Giữ trật tự, không được hút thuốc, không được sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác trong phòng phỏng vấn.

4. Không được trao đổi riêng với bất kỳ thí sinh nào trong thời gian phỏng vấn.

#### **Điều 4. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia tổ chức phỏng vấn và cá nhân liên quan khác vi phạm nội quy phỏng vấn xét tuyển.**

1. Người tham gia tổ chức phỏng vấn xét tuyển (Hội đồng xét tuyển, Ban Giám sát, các Ban giúp việc của Hội đồng xét tuyển) là cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm nội quy phỏng vấn xét tuyển thì ngoài việc bị đình chỉ làm công tác phỏng vấn xét tuyển còn bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

2. Cán bộ, công chức, viên chức không tham gia tổ chức phỏng vấn xét tuyển nhưng có các hành vi, như: phỏng vấn hộ, chuyển đề phỏng vấn ra ngoài, đưa lời giải vào cho thí sinh, đưa thông tin sai lệch gây ảnh hưởng xấu đến kỳ phỏng vấn, gây rối làm mất trật tự tại khu vực phỏng vấn bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

3. Người tham gia tổ chức phỏng vấn xét tuyển và những người có liên quan đến việc tổ chức phỏng vấn không phải là cán bộ, công chức, viên chức nếu có hành vi vi phạm nội quy phỏng vấn xét tuyển tùy theo tính chất, mức độ bị cơ quan, đơn vị hiện đang quản lý chấm dứt hợp đồng đã ký kết.

4. Người tham gia tổ chức phỏng vấn xét tuyển và những người có liên quan đến việc tổ chức phỏng vấn vi phạm nội quy phỏng vấn thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý không để đảm nhiệm những công việc có liên quan

đến công tác tổ chức phỏng vấn xét tuyển từ 01 năm đến 03 năm kể từ năm có hành vi vi phạm./.

**Nơi nhận:**

- HĐXTVCSN GD&ĐT bậc TH;
- Ban Giám sát;
- Ban KTSH;
- Các bộ phận giúp việc của HĐXT;
- Các Thí sinh;
- Phòng NV (niêm yết tại trụ sở làm việc);
- VP HĐND & UBND (niêm yết công khai trên trang điện tử);
- Lưu: HĐXTTH.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



*[Handwritten signature]*

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Hồ Vũ Thường**

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2  
(Phòng phỏng vấn số 01)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	001	Cao Tuấn	15/9/1995	Nam	Xã Hòa Tiến, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
2	002	Đình Thế	26/8/1996	Nam	TT Quy Đạt, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
3	003	Đình Thị Kim	29/6/1991	Nữ	Xã Yên Hòa, Minh Hóa	DH SPGD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
4	004	Đình Thị Lan	25/5/1993	Nữ	Xã Yên Hòa, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
5	005	Đình Thị Thu	23/3/1997	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
6	006	Hà Kiều	28/2/1993	Nữ	Xã Mai Hòa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
7	007	Hà Thị Lan	23/4/1996	Nữ	Xã Mai Hòa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
8	008	Hoàng Ngọc	4/9/1996	Nam	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Tiểu học; Nghiệp vụ công	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH1P TD.05	Không	
9	009	Trần Ngọc	23/1/1994	Nam	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	C	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
10	010	Cao Thị	19/6/1994	Nữ	Xã Trung Hòa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
11	011	Cao Việt	19/2/1991	nam	Xã Trung Hòa, Minh Hóa	DH GD Tiểu học; Chứng chỉ Đoàn-	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH1P TD.05	Không	
12	012	Cao Thị	3/1/1993	Nữ	Xã Hòa Thanh, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
13	013	Nguyễn Thị	18/1/1981	Nữ	Thị trấn Đồng Lê, Tuyên Hóa	DH SP giáo dục thẻ chất	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH1D.03	Không	
14	014	Trần Thị	6/11/1996	Nữ	Xã Quảng Minh, TX Ba Đồn	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	015	Nguyễn Thị Cúc	20/02/1998	Nữ	Xã Quảng Hòa, TX Ba Đồn	CD GD Tiểu học	UDNCT T	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
16	016	Nguyễn Thị Kim Cúc	19/10/1996	Nữ	Xã Thuận Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
17	017	Hoàng Quốc Cường	15/4/1996	Nam	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	UDCNCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
18	018	Trần Mạnh Cường	12/9/1996	Nam	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
19	019	Đình Thị Hồng Chanh	10/9/1992	Nữ	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	DH Giáo dục TH	UDCNCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
20	020	Nguyễn Thị Hồng Châu	15/3/1997	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
21	021	Phan Thị Minh Châu	1/3/1996	Nữ	Xã Văn Thủy, Lệ Thủy	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
22	022	Cao Thanh Chung	16/12/1994	Nam	Xã Tân Hóa, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
23	023	Thái Thanh Chương	16/6/1993	Nam	Xã Thượng Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
24	024	Đình Minh Duẩn	17/7/1983	Nam	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	Kỹ sư CNTT	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
25	025	Trương Văn Duẩn	18/9/1996	Nam	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con BB	
26	026	Cao Thị Kim Dung	10/1/1983	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
27	027	Hoàng Thị Mỹ Dung	17/12/1992	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	TC SP Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
28	028	Trương Thị Kim Dung	2/11/1997	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**

**Hồ Vũ Thường**

UBND HUYỆN TUYẾN HÓA  
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VCSN  
GD & ĐT BẬC TIỂU HỌC NĂM 2019

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2  
(Phòng phỏng vấn số 02)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	029	Cao Anh	9/11/1997	Nam	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
2	030	Đình Anh	15/6/1995	Nam	TT Đồng Lê, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
3	031	Lê Nguyễn	28/2/1996	Nam	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	UDCNT T	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
4	032	Hà Thị Mỹ	19/2/1997	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
5	033	Mai Thị Mỹ	24/10/1996	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
6	034	Hồ Thị Hoài	10/6/1996	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
7	035	Trương Thị	10/1/1990	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học học;Chung chi Đoàn-Hội-Đội	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THTP TD.05	Không	
8	036	Cao Thị	23/2/1995	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học ĐH SP Tiểu học	B	C	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con BB, TB	
9	037	Đình Thị Bích	15/8/1993	Nữ	TT Quý Đạt, Minh Hóa	học;Chung chi Đoàn-Hội-Đội	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THTP TD.05	Không	
10	038	Nguyễn Trung	19/8/1998	Nam	TT Quý Đạt, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	UDCNT T	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
11	039	Đặng Thị	14/2/1995	Nữ	Xã Quảng Châu, Quảng Trạch	DH GD Tiểu học	B	C	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
12	040	Cao Thị	6/7/1994	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con BB	
13	041	Đình Thị Hương	26/2/1996	Nữ	Xã Thượng Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
14	042	Nguyễn Thị Hương	27/8/1997	Nữ	Xã Quảng Phong, TX Ba Đồn	CD GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	043	Nguyễn Thị Lệ	15/3/1995	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
16	044	Phạm Thị Kiều	14/9/1994	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
17	045	Trương Thị Trà	1/10/1996	Nữ	Xã Hương Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
18	046	Cao Thị	9/8/1995	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
19	047	Cao Thị Thu	15/2/1995	Nữ	Xã Thượng Hóa, Minh Hóa	DH SP Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
20	048	Đặng Thu	12/12/1997	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	DH SPGD Tiểu học	CN TTC B	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
21	049	Lê Thị Ngọc	1/3/1993	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
22	050	Nguyễn Thị Giang	8/6/1997	Nữ	Xã Quảng Lộc, TX Ba Đồn	DH SPGD Tiểu học	CN TTC B	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
23	051	Phạm Thị Bích	13/8/1981	Nữ	TT Đồng Lê, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	DH	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con TB	
24	052	Phan Thị Ánh	4/3/1998	Nữ	Xã Bắc Trạch, Bố Trạch	CD GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con người NCDHH	
25	053	Trần Thị Thu	10/1/1984	Nữ	Xã Tiến Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	Cử nhân	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
26	054	Trần Thị Thu	5/4/1994	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	KTV	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
27	055	Võ Thị	25/1/1994	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
28	056	Đình Thanh	8/5/1995	Nam	Xã Minh Hoá, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**

**Hồ Văn Thường**

UBND HUYỆN TUYẾN HÓA  
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VCSN  
GD & ĐT BẬC TIỂU HỌC NĂM 2019

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2  
(Phòng phỏng vấn số 03)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	057	Hoàng Thanh	16/7/1988	Nam	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	CN SP DG thề chất-QP	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THTD.03	Không	
2	058	Đình Thị Mỹ	1/4/1997	Nữ	Xã Quy Hóa, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
3	059	Hà Thị Mỹ	22/5/1996	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
4	060	Mai Thị Mỹ	8/3/1993	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CD SPGD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
5	061	Hà Thị	20/6/1995	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
6	062	Lê Thị Thúy	20/1/1997	Nữ	TT Đồng Lê, Tuyên Hóa	CD SP Tiểu học	UDCNT T	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
7	063	Nguyễn Thị	1/11/1997	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
8	064	Nguyễn Thị Thúy	20/3/1996	Nữ	Xã Quảng Hưng, Quảng Trạch	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
9	065	Nguyễn Thị Thúy	1/7/1997	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
10	066	Trần Thị	20/2/1996	Nữ	Xã Quảng Liên, Quảng Trạch	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
11	067	Cao Thị Thu	19/6/1995	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
12	068	Mai Thị Thu	15/7/1994	Nữ	Xã Xuân Giang, TT Kiến Giang, Lệ Thủy	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
13	069	Nguyễn Thị Thu	6/7/1994	Nữ	Xã Thuận Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
14	070	Phạm Thị	15/7/1997	Nữ	Xã Quảng Hưng, Quảng Trạch	CD GD Tiểu học	UDNCT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	071	Phan Thị Hiền	23/2/1991	Nữ	Xã Quảng Thạch, Quảng Trạch	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con TB	
16	072	Phan Thị Thu Hiền	11/4/1994	Nữ	Xã Bắc Trạch, Bố Trạch	DH SP Mỹ Thuật	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THMT.02	Không	
17	073	Từ Thị Hiền	12/2/1993	Nữ	Xã Quảng Kim, Quảng Trạch	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
18	074	Vì Thị Hiền	8/10/1996	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	UDCNT T	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Dân tộc thiểu số	
19	075	Lê Thị Hiệp	23/7/1985	Nữ	Xã Liên Thủy, Lệ Thủy	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
20	076	Đình Thị Hoa	20/2/1984	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
21	077	Hà Thị Hoa	4/2/1995	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
22	078	Nguyễn Thị Hoa	30/3/1984	Nữ	Xã Tiến Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	Đại học	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
23	079	Nguyễn Thị Hoa	03/06/1997	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDNCT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
24	080	Nguyễn Thị Thanh Hoa	25/9/1996	Nữ	Xã Liên Trạch, Bố Trạch	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
25	081	Phạm Thị Hoa	13/1/1993	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
26	082	Nguyễn Thị Hòa	20/11/1990	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học; Chứng chỉ Đoàn -	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THTP TD.05	Không	
27	083	Trần Thị Hòa	10/6/1988	Nữ	Xã Cao Quảng, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học; Chứng chỉ Đoàn -	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THTP TD.05	Không	
28	084	Đình Thị Thủy Hoài	13/9/1993	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Hồ Văn Thường**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2**  
(Phòng phỏng vấn số 04)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	085	Lâm Thanh	16/5/1988	Nam	Xã Lê Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
2	086	Ngô Thị Thu	2/3/1993	Nữ	Xã Quảng Long, TX Ba Đồn	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
3	087	Cao	19/12/1992	Nam	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	CD SP Mỹ Thuật	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THMT.02	Không	
4	088	Võ Thị	19/12/1997	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
5	089	Đình Huy	8/9/1998	Nam	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	UDCNT T	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
6	090	Cao Thị Hoa	21/11/1997	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
7	091	Cao Thị Thu	12/3/1994	Nữ	Xã Lê Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
8	092	Đình Thị Hoa	4/1/1997	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
9	093	Hồ Thị	19/2/1993	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
10	094	Lê Thị Thanh	20/7/1983	Nữ	Phường Đồng Phú, Đồng Hới	CN GD Tiểu học	Tin học ứng dụng	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con TB	
11	095	Nguyễn Thị	5/5/1983	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	DH	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
12	096	Đình Thị	23/3/1995	Nữ	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	CD SP Tiểu học	B	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
13	097	Đình Thị	26/6/1995	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
14	098	Cao Thị	10/11/1997	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	